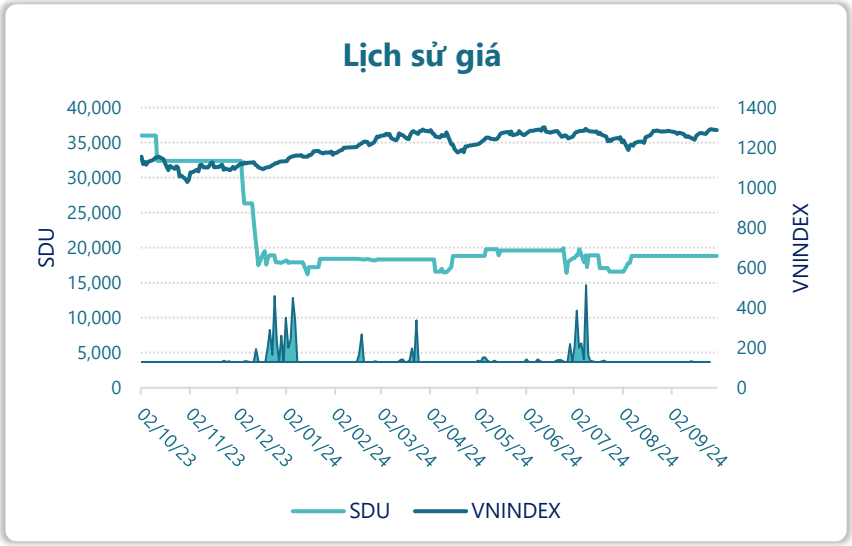
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà (HNX: SDU)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**18,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,200
SL cổ phiếu LH	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	376
P/E	548.7
EPS	34

DT thuần

Q3/24

13.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.5| -47.4%

YoY: ▲ 0.50| 4.0%

LN sau thuế

Q3/24

0.33

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.38| 755%

YoY: ▼0.21| -39.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

2.7%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

9T 2024

51.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼6.90| -12.0%

LN sau thuế

9T 2024

0.62

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.67| -51.9%

ROE

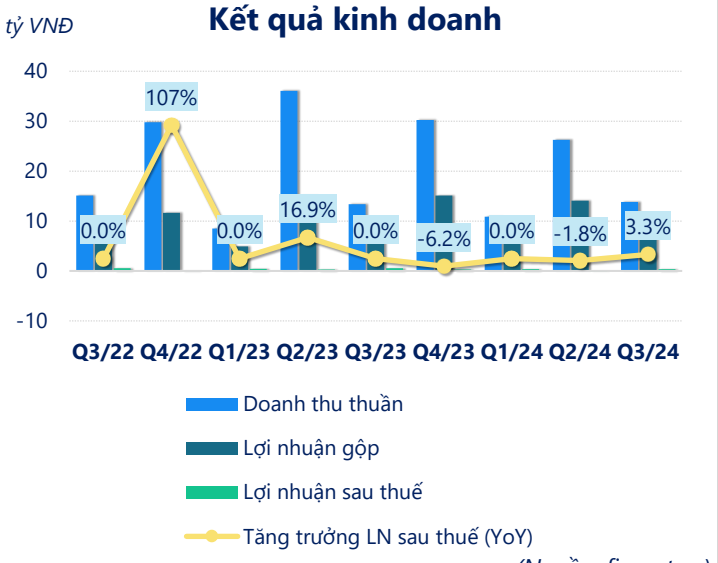
Q3/24

0.2%

+/- YoY: ▼ 0.2%

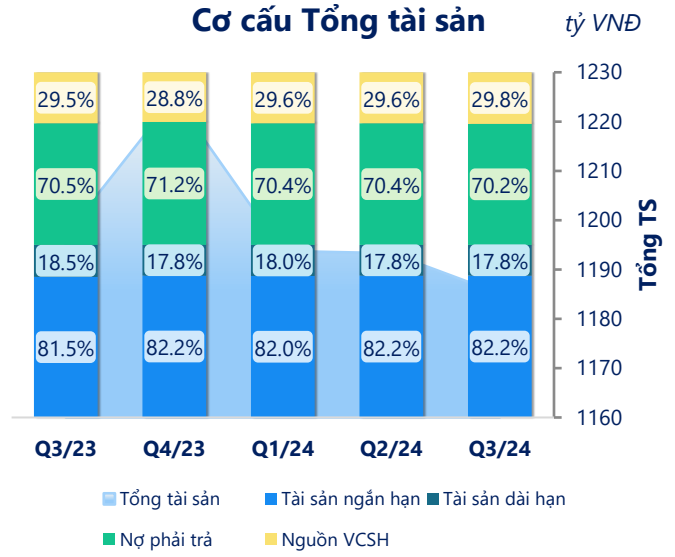
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



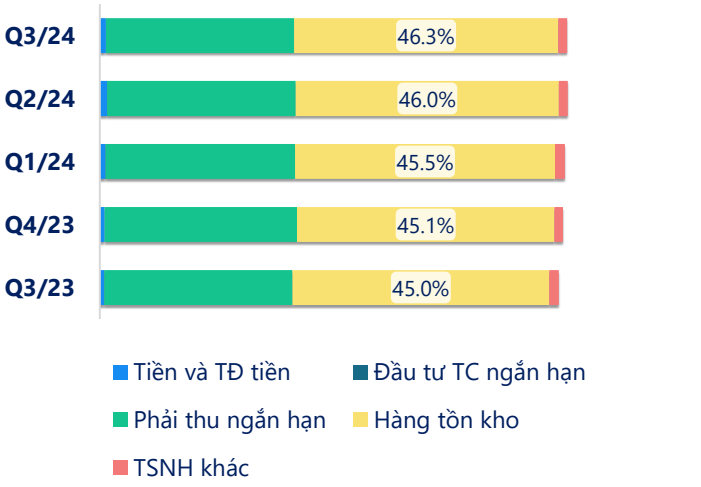
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



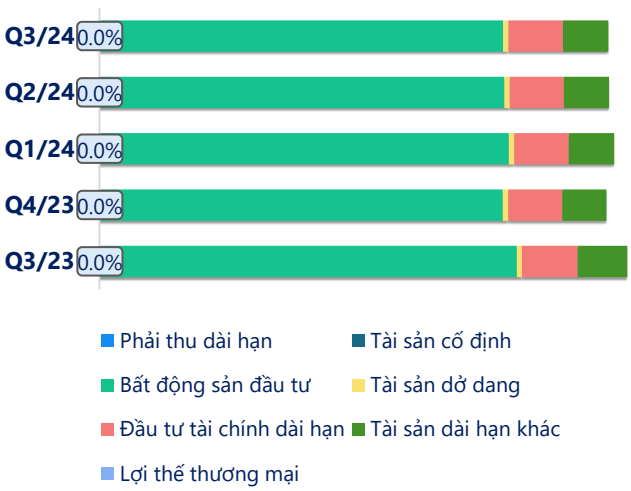
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



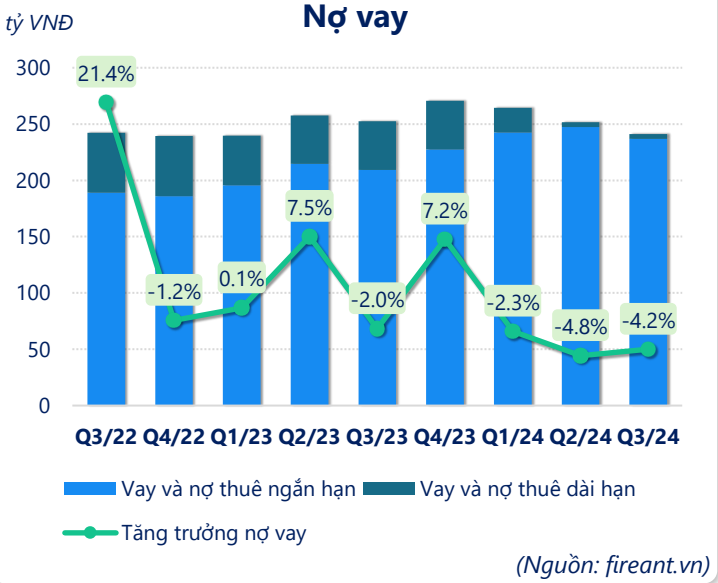
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



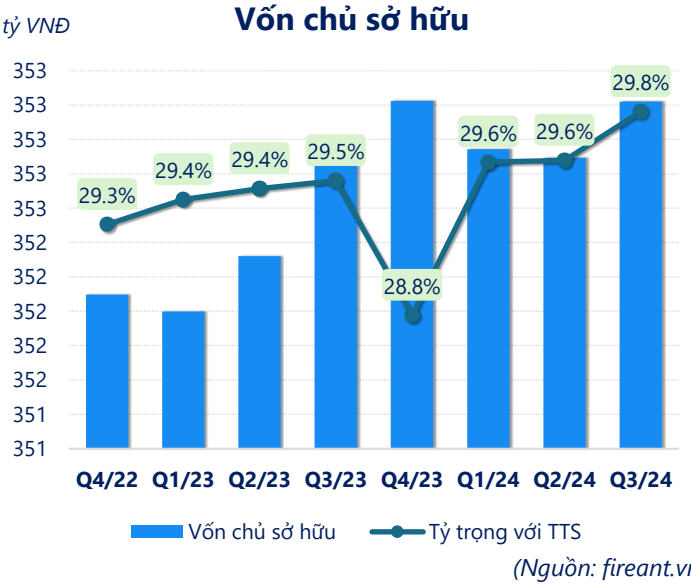
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



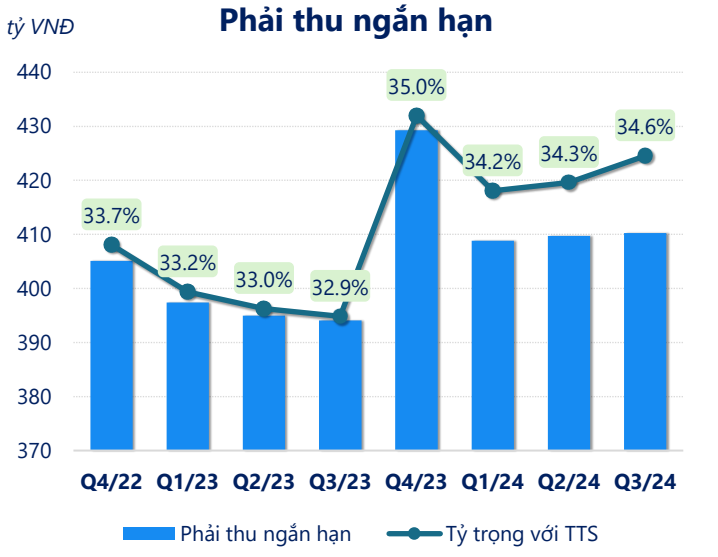
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



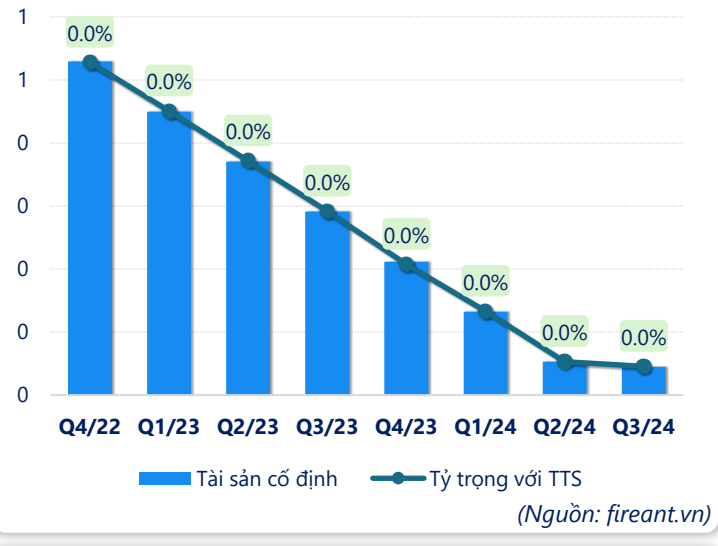
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



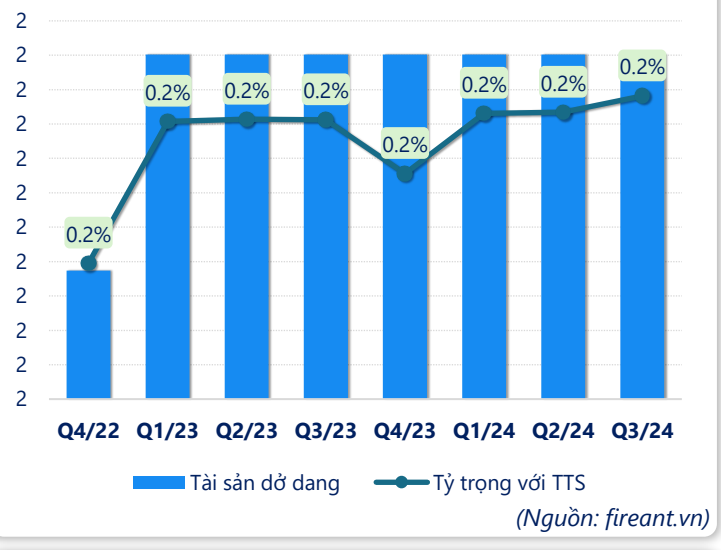
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



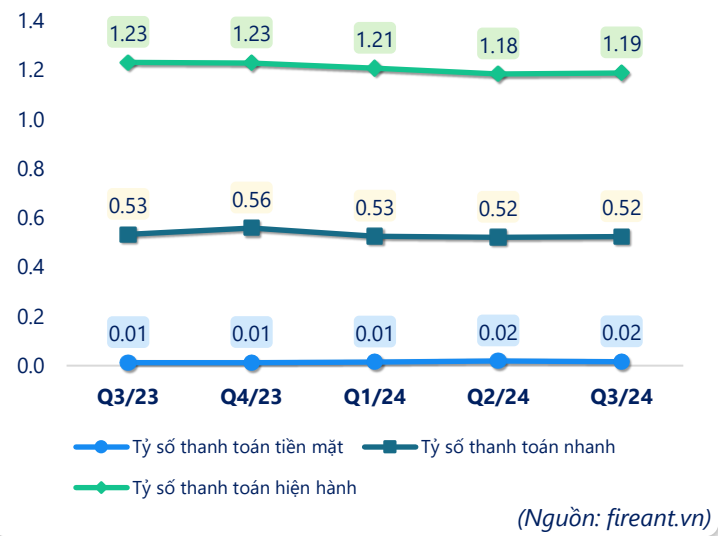
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



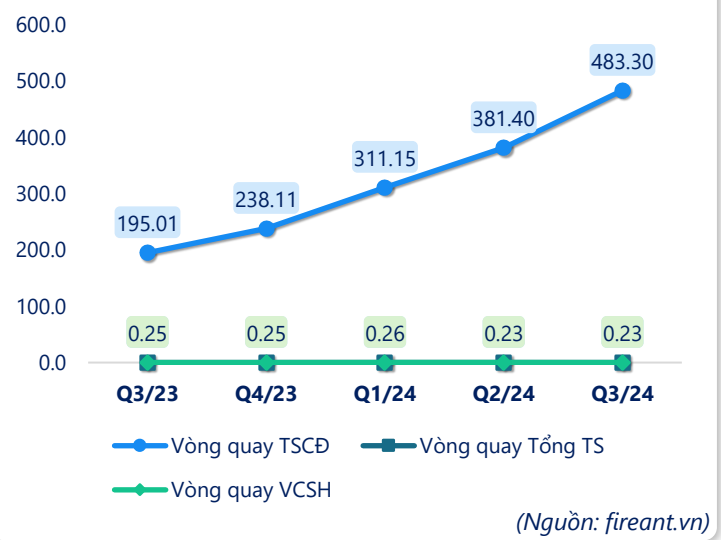
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**1,197**	**1,225**	**1,194**	**1,193**	**1,185**
Tài sản ngắn hạn	**976**	**1,008**	**979**	**980**	**974**
Tiền và tương đương tiền	9.60	10.2	11.7	15.6	12.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0.00	0.08	0.00
Phải thu ngắn hạn	394	429	409	410	410
Hàng tồn kho	554	549	553	549	545
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	18.6	5.66	5.93	6.14
Tài sản dài hạn	**221**	**217**	**215**	**213**	**211**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.09	0.01	0.09
Tài sản cố định	0.29	0.21	0.13	0.05	0.05
Bất động sản đầu tư	175	173	171	169	167
Tài sản dở dang	2.24	2.24	2.24	2.24	2.24
Đầu tư tài chính dài hạn	23.3	23.3	22.7	22.6	22.6
Tài sản dài hạn khác	20.8	19.0	19.0	18.9	18.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**844**	**872**	**841**	**840**	**832**
Nợ ngắn hạn	**793**	**820**	**811**	**828**	**820**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	228	243	247	237
Phải trả người bán ngắn hạn	24.8	25.2	25.5	17.4	16.9
Nợ dài hạn	51.4	51.7	29.9	12.3	12.3
Vay và nợ thuê dài hạn	43.0	43.1	21.9	4.40	4.40
Nguồn vốn chủ sở hữu	**353**	**353**	**353**	**353**	**353**
Vốn chủ sở hữu	**353**	**353**	**353**	**353**	**353**
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)